

Số: *60* /BC-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày *2* tháng *8* năm 2016

## **BÁO CÁO**

**Tình hình, kết quả 01 năm thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg  
ngày 10 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường  
trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp  
trong công tác cải cách thủ tục hành chính**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả 01 năm thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong công tác cải cách thủ tục hành chính (từ ngày 15/6/2015 đến hết ngày 15/6/2016), như sau:

### **I. Tình hình triển khai thực hiện**

#### **1. Công tác tổ chức quán triệt việc thực hiện Chỉ thị**

Bộ đã tổ chức quán triệt Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính đến toàn thể đội ngũ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt của các đơn vị thuộc Bộ.

#### **2. Việc xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị**

- Ban hành Kế hoạch của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính (*Quyết định số 1349/QĐ-LĐTĐBXH ngày 21/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội*).

- Các đơn vị thuộc Bộ theo chỉ đạo của Bộ đã tổ chức quán triệt Chỉ thị số 13/CT-TTg đến các cán bộ, công chức của đơn vị. Một số đơn vị đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg tại đơn vị (như Tổng cục Dạy nghề đã ban hành Kế hoạch tại Quyết định số 1188/QĐ-TCDN ngày 25/12/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề).

### **II. Kết quả thực hiện**

**1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu cải cách thủ tục hành chính (TTHC) tại Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng**

**lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016 và Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 08/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020**

**1.1. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ:**

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Nghị quyết 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016, Bộ đã ban hành Quyết định số 1008/QĐ-LĐTBXH ngày 11/8/2014 ban hành kế hoạch của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 của Chính phủ, Quyết định số 507/QĐ-LĐTBXH ngày 13/4/2015 về Kế hoạch hành động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ, trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được phân công. Kết quả thực hiện như sau:

a) Công tác xây dựng, rà soát khung khổ pháp lý trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội:

Sau khi trình Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết, Chỉ thị, Luật, Pháp lệnh, Bộ đã khẩn trương xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các Nghị định, Quyết định để khi Luật, Pháp lệnh có hiệu lực thi hành thì đã có đầy đủ các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện. Bộ cũng thường xuyên tập hợp và xử lý các vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp, người lao động. Những vấn đề vượt thẩm quyền thì báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, giải quyết. Thường xuyên phối hợp với Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và các tổ chức của Liên Hợp quốc đánh giá sự phù hợp của pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế nhất là các công ước của ILO và các công ước về quyền con người của Liên Hợp quốc. Đến nay, Việt Nam đã tham gia, ký kết 20 công ước của ILO, trong đó có 5/8 công ước cơ bản, đang nghiên cứu đánh giá để có kế hoạch tham gia 3 công ước cơ bản còn lại cũng như tham gia một số công ước khác của ILO và của Liên Hợp quốc. Vì vậy, hệ thống pháp luật về lao động của nước ta về cơ bản phù hợp với các tiêu chuẩn lao động quốc tế. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng điều chỉnh quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp trong việc tuyển dụng và sử dụng lao động, quyền tự do lựa chọn việc làm, nghề nghiệp của người lao động, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động, tăng cường đối thoại, thương lượng để xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định tạo hành lang pháp lý hỗ trợ phát triển thị trường lao động; góp phần hoàn thiện thể chế thị trường lao động.

Hiện nay, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đang tiếp tục tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật lao động, người có công

và xã hội, trong đó trọng tâm là triển khai Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động năm 2012 (đã đăng ký với Bộ Tư pháp đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017) nhằm cải cách, hoàn thiện các quy định về thị trường lao động và nâng cao hiệu quả của thị trường lao động, bảo đảm tính thống nhất, linh hoạt của thị trường lao động, tạo thuận lợi hơn nữa cho việc tuyển dụng và sử dụng lao động, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn cũng như yêu cầu hội nhập quốc tế của đất nước.

b) Rà soát, đánh giá và thực hiện các biện pháp tuyển dụng, sử dụng lao động đảm bảo tính thống nhất của thị trường lao động:

- Triển khai Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Việc làm năm 2013 Bộ đã trình Chính phủ ban hành 07 Nghị định quy định về việc làm, tuyển dụng lao động, hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm và quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Theo quy định, doanh nghiệp (không phân biệt loại hình) được chủ động tuyển dụng, sử dụng lao động theo yêu cầu thông qua hình thức tuyển dụng trực tiếp hoặc gián tiếp qua hệ thống dịch vụ việc làm. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện. Đã hình thành hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm các tỉnh, thành phố và 4 khu vực nhằm đảm bảo chức năng kết nối cung - cầu lao động, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động giải quyết việc làm và các chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Ngoài ra, các hình thức kết nối cung - cầu của thị trường lao động khác như tổ chức các sàn giao dịch việc làm, tổ chức tư vấn hỗ trợ việc làm cho người lao động qua hình thức giao dịch trực tuyến cũng được phát huy.

- Về hoạt động xuất khẩu lao động:

+ Toàn bộ quy định, quy trình và thủ tục cấp phép hoạt động xuất khẩu lao động được niêm yết công khai tại trụ sở Cục Quản lý lao động ngoài nước, trang thông tin điện tử của Cục, Cổng thông tin điện tử của Bộ và Chính phủ. Bộ đã xây dựng quy trình thẩm định hồ sơ cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 – 2008. Hiện tại, Bộ đang tiến hành sửa đổi bổ sung Nghị định số 126/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng nhằm cải cách TTHC, tạo thuận lợi hơn nữa cho cá nhân, tổ chức trong hoạt động xuất khẩu lao động (dự kiến trình Chính phủ trong quý III/2016), theo hướng: Rút ngắn thời gian cấp mới giấy phép và quy định rõ thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị cấp phép của từng cơ quan liên quan; quy định rõ ràng về các tài liệu chứng minh vốn của doanh nghiệp; đơn giản hóa hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động dịch vụ do thay đổi đăng ký kinh doanh, hồ sơ chỉ bao gồm các tài liệu chứng minh nội dung thay đổi trên đăng ký kinh doanh.

+ Ban hành Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về

việc làm nhằm hướng dẫn quy trình, thủ tục, mức hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và nội dung, mức hỗ trợ phát triển thị trường lao động ngoài nước.

c) Tình hình triển khai thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp; các cơ chế, chính sách để khuyến khích nâng cao chất lượng đào tạo, dạy nghề; kiểm soát việc phát triển các cơ sở đào tạo nghề theo quy hoạch; các thủ tục, điều kiện thành lập, hoạt động đối với các tổ chức đào tạo nghề ngoài công lập:

Theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 và phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ đã tham mưu ban hành 03 Nghị định của Chính phủ, 02 Quyết định Thủ tướng Chính phủ và ban hành theo thẩm quyền 07 Thông tư.

Thực hiện việc rà soát các cơ chế, chính sách để khuyến khích nâng cao chất lượng dạy nghề quy định trong Luật Dạy nghề năm 2006 và Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014. Xây dựng nhiều cơ chế, chính sách mới để nâng cao chất lượng dạy nghề như chính sách hỗ trợ, đầu tư đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chính sách tạo động lực đối với người dạy, chính sách thu hút đối với người học, chính sách gắn kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp. Việc gắn kết doanh nghiệp với cơ sở dạy nghề được thực hiện thí điểm từ năm 2012 giữa 3 công ty của Đức tại Việt Nam với 3 trường của Việt Nam, theo đó, chương trình đào tạo là sự kết hợp của 2 bên, người học được học tập tại trường và thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp. Bộ đang nghiên cứu xây dựng các văn bản để ban hành, thực hiện các chính sách này theo quy định của pháp luật.

Mạng lưới cơ sở dạy nghề được phát triển, kiểm soát chặt chẽ theo quy hoạch. Các trường cao đẳng, phân hiệu/cơ sở đào tạo khác thuộc trường cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thành lập, phù hợp với quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cả nước trong từng thời kỳ và quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới trường cao đẳng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của Tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hạn chế thành lập mới các cơ sở dạy giáo dục nghề nghiệp công lập, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thành lập cơ sở dạy nghề tư thục. Hình thành các trường giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao tập trung ở các vùng kinh tế trọng điểm.

Thủ tục, điều kiện thành lập, hoạt động đối với các cơ sở đào tạo giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập được áp dụng thống nhất, bình đẳng như đối với các cơ sở dạy nghề công lập với quy trình thủ tục công khai, minh bạch.

Việc thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được quy định tại Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó điều kiện, thủ tục thành lập cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài được quy định rõ ràng, minh bạch và theo hướng đơn giản hóa nhằm khuyến khích, thu hút đầu tư của nước ngoài vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Bộ đã xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 24/2011/TT-BLĐTBXH quy định các thủ tục với quy trình thực hiện đơn giản hơn, giảm bớt thành phần hồ sơ (bỏ dự thảo Điều lệ trường, quy định thành phần hồ sơ là bản copy), giảm số lượng hồ sơ (giảm số lượng hồ sơ từ 06 bộ xuống còn 01 bộ, giảm bớt số lượng đề án thành lập từ 09 quyển xuống còn 01 quyển), rút ngắn thời hạn giải quyết các thủ tục, bổ sung cách thức thực hiện các thủ tục áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và 3.

Với việc rà soát, cải cách TTHC nêu trên, Bộ đã đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 55% theo mục tiêu của Chiến lược phát triển dạy nghề đã đề ra. Đào tạo mới trình độ cao đẳng, trung cấp (đối với các trường thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý) cho khoảng 1,35 triệu người (trong đó 10% được đào tạo theo các nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, khu vực ASEAN và quốc tế theo cơ chế Nhà nước đặt hàng đào tạo); đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng khoảng 9 triệu người (trong đó, hỗ trợ dạy nghề trình độ sơ cấp, dạy nghề thường xuyên cho khoảng 3,2 triệu người theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020).

d) Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định, quy trình cấp phép cho lao động người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, bảo đảm thuận lợi cho các nhà đầu tư và công tác quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam:

Thực hiện đơn giản hóa các quy định, quy trình cấp phép cho lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam: Quy trình cấp phép cho lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam gồm 4 thủ tục hành chính là (1) Cấp giấy phép lao động; (2) Cấp lại giấy phép lao động; (3) Xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; (4) Báo cáo nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài. Về cơ bản, các TTHC này đã được quy định quán triệt tinh thần cải cách TTHC, tuy nhiên qua triển khai thực hiện bộc lộ một số hạn chế (như: thời gian để chuẩn bị và hoàn thiện một số giấy tờ trong thành phần hồ sơ còn dài; việc quy định những trường hợp được cấp hoặc cấp lại giấy phép lao động chưa phù hợp gây khó khăn trong việc chuẩn bị hồ sơ hoặc không kế thừa được giá trị sử dụng của một số giấy tờ trong hồ sơ của giấy phép lao động đã được cấp trước đó; quy định chưa hợp lý về thời hạn thực hiện TTHC), vì vậy, Bộ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 thay thế Nghị định 102/2013/NĐ-CP, theo đó:

+ Điều chỉnh điều kiện đối với chuyên gia và lao động kỹ thuật nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam phải đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận hoặc phải có số năm kinh nghiệm nhất định.

+ Làm rõ các trường hợp cấp, cấp lại cho phù hợp; bổ sung quy định về miễn giấy phép lao động nhằm kế thừa giá trị sử dụng của một số giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động. Phân loại nhóm đối tượng điều chỉnh để giảm bớt một số giấy tờ cho một số nhóm đối tượng theo hướng lao động có trình độ chuyên môn càng cao thì càng đơn giản về thủ tục và giấy tờ trong hồ

sơ đề nghị cấp phép. Nhóm đối tượng lao động nước ngoài làm việc tại các dự án đang trong quá trình xây lắp thì có cơ chế quản lý linh hoạt phù hợp với đặc thù lao động có số lượng lớn, làm việc ngắn hạn và đảm bảo yêu cầu về chất lượng và tiến độ của dự án.

+ Giảm số ngày xem xét, cấp giấy phép lao động của cơ quan cấp giấy phép lao động (từ 10 ngày làm việc xuống còn 7 ngày làm việc); Mở rộng khoảng thời gian được đề nghị cấp lại giấy phép lao động từ 15 ngày lên 45 ngày trước khi giấy phép lao động đã cấp hết hạn.

+ Đơn giản hóa một số giấy tờ trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động như miễn hợp pháp lãnh sự, điều chỉnh cách thức lấy lý lịch tư pháp và giấy khám sức khỏe cho phù hợp.

đ) Cung cấp dịch vụ công và xã hội hóa cung cấp dịch vụ công:

Tiếp tục đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ việc làm và dịch vụ xuất khẩu lao động thông qua hệ thống trung tâm của Bộ và của các địa phương theo hướng tạo thuận lợi và đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp. Dịch vụ đào tạo nghề, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề sẽ từng bước được xã hội hóa thông qua việc liên kết đào tạo với các doanh nghiệp, cổ phần hóa các trường nghề công lập.

Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần, trẻ em, trung tâm công tác xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy.

Phấn đấu đến năm 2020, Bộ sẽ tổ chức hệ thống thông tin của ngành thống nhất, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương nhằm thu thập, cập nhật và xử lý thông tin một cách kịp thời; triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành, tiến tới thực hiện quản lý đầy đủ các chỉ tiêu thông tin, thống kê của từng đối tượng; đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại nhằm cung cấp cho các tổ chức xã hội và cộng đồng trong nước, ngoài nước góp phần minh bạch hóa thông tin; từng bước cung cấp trực tuyến các dịch vụ hành chính công về các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ thông tin, thống kê và ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng thống nhất đầu mối của Bộ nhằm đảm bảo công tác thông tin, thống kê và ứng dụng công nghệ thông tin đi đúng định hướng, góp phần nâng cao hiệu quả, tránh chồng chéo

e) Giải quyết các vướng mắc của doanh nghiệp:

Ngoài việc tăng cường tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật lao động, thanh tra, kiểm tra uốn nắn việc thực hiện của doanh nghiệp và người lao động, Bộ đã thực hiện lấy ý kiến của doanh nghiệp thông qua diễn đàn doanh nghiệp và tổ chức các hội nghị đối thoại trực tiếp về lĩnh vực pháp luật lao động giữa Bộ với đại diện các Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Ban quản lý các

khu chế xuất – khu công nghiệp thuộc các tỉnh, thành phố và đại diện các doanh nghiệp để lắng nghe, tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị. Thông qua đó đã giải thích, giải đáp và giải quyết hàng trăm lượt kiến nghị, đồng thời tập hợp các vướng mắc, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội để cho phép Chính phủ quy định cụ thể nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

## 1.2. Kết quả thực hiện Đề án 896:

Bộ đã ban hành Kế hoạch triển khai Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư của Bộ năm 2015 (*Quyết định số 696/QĐ-LĐTĐ ngày 26/5/2015*).

Hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ thực hiện việc rà soát TTHC, giấy tờ công dân theo Đề án 896 trên các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý. Trên cơ sở đó hoàn thành Báo cáo đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân theo Đề án 896 và dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân theo Đề án 896 thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, gửi Văn phòng Ban chỉ đạo 896 đảm bảo thời hạn quy định (Báo cáo số 25/BC-LĐTĐ ngày 25/4/2016).

Tham gia phối hợp, đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật cho việc cấp số định danh cá nhân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

## 2. Việc tính toán chi phí tuân thủ TTHC và tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC

a) Tính toán chi phí và tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC theo Đề án 896:

Tổng số TTHC thuộc phạm vi của Đề án 896 được đề nghị đơn giản hóa là 43 TTHC, cụ thể trên các lĩnh vực như sau: An toàn lao động: 08 TTHC; Bảo trợ xã hội: 10 TTHC; Giáo dục nghề nghiệp: 05 TTHC; Lao động - Tiền lương và Quan hệ lao động: 05 TTHC; Phòng, chống tệ nạn xã hội: 07 TTHC; Quản lý lao động ngoài nước: 02 TTHC; Việc làm: 06 TTHC.

Tổng số mẫu đơn, tờ khai được đề xuất sửa đổi là 35, gồm 17 mẫu đơn và 18 tờ khai.

Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 78.018.707.100 đồng/năm;

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 70.166.432.300 đồng/năm;

- Tổng chi phí tiết kiệm: 7.852.274.800 đồng/năm;

- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa (tính trên tổng số các TTHC có phương án đơn giản hóa): 10,06 %.

b) Tính toán chi phí và tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ nhóm TTHC, quy định liên quan đến chế độ ưu đãi về giáo dục đối với người có công với cách mạng và con của họ đang học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Quyết định 08/QĐ-TTg:

- Tổng chi phí tuân thủ các TTHC:
- + Trước khi đơn giản hóa: 38.595.000.000 đồng/năm.
- + Sau khi đơn giản hóa: 24.735.000.000 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 13.860.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,91 %.

### **3. Việc tổ chức đối thoại về TTHC, giải quyết TTHC**

Việc đối thoại về TTHC, giải quyết TTHC được thực hiện dưới các hình thức cụ thể như sau:

- Thực hiện thông qua các buổi tiếp công dân định kỳ tại bộ phận “một cửa” thuộc Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện lồng ghép trong các cuộc đối thoại về pháp luật lao động (phía bắc, phía nam) giữa Bộ với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và đại diện các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban quản lý các khu chế xuất - khu công nghiệp thuộc các tỉnh, thành phố.

- Thực hiện thông qua trao đổi ý kiến, đối thoại giữa các đại biểu với đại diện lãnh đạo các đơn vị quản lý nhà nước của Bộ tại các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tập huấn trên các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý.

### **4. Việc xử lý kiến nghị đơn giản hóa TTHC**

Năm 2015, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nhận được Công văn số 2367/HĐTV-KSTT ngày 03/7/2015 của Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC có ý kiến đề xuất phương án đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính về công nhận, xác nhận hộ nghèo, gồm 04 kiến nghị.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã có Công văn phúc đáp số 113/LĐTBXH-PC ngày 13/01/2016 gửi Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC để tiếp thu, giải trình các kiến nghị, trong đó giải trình đối với 02 kiến nghị, đối với 02 kiến nghị còn lại, Bộ đã nghiên cứu tiếp thu, đưa vào *dự thảo Thông tư hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi tắt là dự thảo Thông tư)*, cụ thể như sau:

- Đối với kiến nghị về “đề nghị bổ sung quy định cấp Sổ/Giấy chứng nhận hộ nghèo cho đối tượng là hộ nghèo phát sinh sau khi được phê duyệt”: dự thảo Thông tư có quy định, hướng dẫn thực hiện đối với trường hợp hộ gia đình trên địa bàn phát sinh khó khăn đột xuất trong năm hoặc biến động về nhân khẩu trong hộ gia đình sẽ được xem xét, bổ sung vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để có thể tiếp cận với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.



- Đối với kiến nghị về “đề nghị cân nhắc bãi bỏ việc phê duyệt danh sách hộ nghèo của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện, thay bằng quy định Chủ tịch UBND cấp xã thông báo danh sách những hộ thuộc diện nghèo, cận nghèo cho UBND cấp huyện sau khi các hộ này được Chủ tịch UBND cấp xã công nhận”: dự thảo Thông tư quy định “Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ vào kết quả phân loại hộ gia đình theo quy trình, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn..., báo cáo UBND cấp huyện kết quả rà soát biến động hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn”.

Hiện dự thảo Thông tư đang được gửi lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan để bổ sung hoàn thiện trước khi ký duyệt, ban hành.

## **5. Tình hình triển khai thiết lập hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền**

5.1. Việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC được thực hiện đầy đủ theo quy định của Chính phủ, qua các kênh thông tin sau đây:

- Qua bộ phận “một cửa” thuộc Thanh tra Bộ và các buổi tiếp dân trực tiếp tại trụ sở cơ quan Bộ, số 12 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội;

- Qua đường thư bưu điện;

- Qua số điện thoại chuyên dùng đã được đăng tải công khai trên trang website của Bộ, số: 04-3.9388407;

- Qua hộp thư điện tử [tiepnhanykien@molisa.gov.vn](mailto:tiepnhanykien@molisa.gov.vn), được bố trí dưới chân trang Website [www.molisa.gov.vn](http://www.molisa.gov.vn) (Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

- Qua trang thông tin điện tử của các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ (như thư mục/banner Thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử Tổng cục Dạy nghề tại địa chỉ [WWW.tcdn.gov.vn](http://WWW.tcdn.gov.vn));

- Thông qua các cuộc hội thảo, hội nghị, tập huấn.

- Trực tiếp tại Phòng cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Vụ Pháp chế của Bộ.

5.2. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền:

- Năm 2015 các đơn vị thuộc Bộ tiếp nhận 29.375 hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC, trong đó có 28.321 hồ sơ mới tiếp nhận, 1.054 hồ sơ từ kỳ báo cáo trước chuyển qua. Kết quả: 29.144 hồ sơ đã được giải quyết, trong đó: 29.093 hồ sơ giải quyết đúng hạn (chiếm tỷ lệ 99,82%); 51 hồ sơ giải quyết quá hạn; 231 hồ sơ đang giải quyết (đều là hồ sơ chưa đến hạn).

- Trong 6 tháng đầu năm 2016 có 16.100 hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC, trong đó có 16.017 hồ sơ mới tiếp nhận, 83 hồ sơ từ kỳ báo cáo trước chuyển qua. Kết quả: 15.418 hồ sơ đã được giải quyết, trong đó: 15.414 hồ sơ giải quyết đúng hạn (chiếm tỷ lệ 99,97%); 04 hồ sơ giải quyết quá hạn; 682 hồ sơ đang giải quyết (cả 682 hồ sơ đều chưa đến hạn).

## **6. Tình hình bố trí kinh phí cho các hoạt động cải cách TTHC**

Hàng năm, hoạt động cải cách TTHC đều được Bộ bố trí kinh phí để triển khai thực hiện, tuy nhiên do tình hình khó khăn chung nên năm 2016, kinh phí bố trí cho hoạt động này là 140 triệu đồng, giảm so với năm 2015 (kinh phí năm 2015 bố trí 350 triệu đồng).

## **7. Tình hình triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

Việc triển khai cơ chế “một cửa” đang được triển khai, thực hiện tại một số đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ có nhiều TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, là: Cục An toàn lao động, Cục Quản lý lao động ngoài nước, Tổng cục Dạy nghề.

## **8. Tình hình, kết quả công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp**

- Xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2016.

- Một số nội dung triển khai cụ thể:

+ Xây dựng hệ thống các phần mềm ứng dụng cho công tác cải cách hành chính tại các đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, bước đầu đã triển khai trên một số lĩnh vực, như: phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức để cài đặt, ứng dụng vào công tác tổ chức cán bộ tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; phần mềm quản lý và xử lý đơn thư, qua đó góp phần giảm thời hạn xử lý đơn của công dân tại bộ phận “một cửa” của Bộ; phần mềm quản lý đoàn ra đoàn vào; phần mềm kế toán; xây dựng đề án cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội nhằm đổi mới phương thức, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách trợ cấp xã hội, góp phần đơn giản hóa TTHC.

+ Nâng cấp hệ điều hành tác nghiệp nội bộ eMolisa; đẩy mạnh tin học hóa các quy trình hoạt động tác nghiệp, các hình thức tiếp nhận, lưu trữ, trao đổi, tìm kiếm, xử lý thông tin, giải quyết công việc trong các đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: Cập nhật dữ liệu đầy đủ các chuyên mục nhằm cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Bộ và hoạt động của cơ quan Bộ (hiện đã có trên 80% văn bản điện tử được cung cấp trên hệ thống eMolisa); tiến hành nâng cấp phần mềm eMolisa, trong đó đặc biệt là việc triển khai quy trình xử lý văn bản điện tử và đảm bảo việc kết nối, liên thông quy trình xử lý văn bản giữa Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội với hệ thống văn bản điện tử của Chính phủ.

+ Triển khai việc đăng tải công khai kết quả giải quyết TTHC trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Về thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến và Chính phủ điện tử:

+ Ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết 36a/NQ-CP của Chính phủ về Chính phủ điện tử (*Quyết định số 1890/QĐ-LĐTBXH ngày 24/12/2015*).

+ Ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2016. Nghiên cứu triển khai Dự án cung cấp trực tuyến các dịch vụ công tại Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội giai đoạn 2016-2020. Một số kết quả cụ thể như sau: Hoàn thành việc xác định yêu cầu kỹ thuật của phần mềm, phê duyệt kinh phí, kế hoạch đấu thầu, chuẩn bị các thủ tục liên quan để tổ chức đấu thầu và xây dựng dịch vụ công trực tuyến về cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam thuộc lĩnh vực việc làm; triển khai thử nghiệm dịch vụ công trực tuyến về đăng ký hợp đồng cung ứng lao động thuộc lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thanh Hóa và Bắc Giang, cài đặt thành công lên Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để tiếp tục triển khai thử nghiệm cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trên toàn quốc; xây dựng đề án cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực an toàn lao động và cho thuê lại lao động.

+ Hoàn thành việc kết nối, liên thông văn bản điện tử giữa Chính phủ với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo Công văn số 2469/VPCP-HC ngày 08/4/2016 của Văn phòng Chính phủ.

## **9. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ được giao**

Hàng năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ về cải cách TTHC của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cũng như công chức, viên chức đều được đưa vào để xem xét, đánh giá thi đua chung cuối năm tại các đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Trong năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016, Bộ không có trường hợp cán bộ, công chức nào bị xem xét, xử lý trách nhiệm do vi phạm quy định trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

## **II. Đánh giá chung**

### **1. Ưu điểm**

Qua thời gian 01 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã đạt được những kết quả nhất định, về cơ bản đáp ứng mục đích, yêu cầu và những nội dung nhiệm vụ Chỉ thị đề ra, cụ thể:

1.1. Về mục đích, yêu cầu: Xác định rõ trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trong triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg, thông qua Kế hoạch hành động của Bộ đã phân công cụ thể các nội dung nhiệm vụ, trách nhiệm thực hiện của người đứng đầu các đơn vị thuộc Bộ trong việc thực hiện cải cách TTHC, thời hạn hoàn thành, kết quả công việc; đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cải cách, kiểm soát TTHC; đơn giản hóa các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm

quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các đơn vị thuộc Bộ trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

1.2. Về triển khai các nhiệm vụ cụ thể: nhiều nội dung nhiệm vụ đã được triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả, là:

- Việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu cải cách TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định tại:

+ Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016;

+ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

+ Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 08/6/2013 phê duyệt Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020.

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các TTHC thông qua việc đánh giá tác động, tham gia ý kiến, thẩm định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật,

- Tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định về công bố, công khai, minh bạch TTHC và giải quyết phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức.

- Công tác kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC theo quy định của pháp luật.

- Thiết lập hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC.

- Công tác thông tin truyền thông về cải cách TTHC trong phạm vi Bộ, ngành.

- Việc xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm về công tác cải cách TTHC của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị thuộc Bộ.

## **2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp thực hiện**

Do cả những nguyên nhân chủ quan (năng lực cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, chưa nhiệt tình trong công việc...) và nguyên nhân khách quan (cải cách TTHC là công việc khó khăn phức tạp, nhiều lực cản, không “hấp dẫn”; kinh phí dành cho cải cách TTHC hạn chế, đa số các đơn vị chưa bố trí được nguồn kinh phí riêng cho công tác này; nhân lực làm công tác cải cách TTHC phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác; cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin còn thiếu và yếu...), dẫn đến kết quả triển khai một số nội dung nhiệm vụ chưa đáp ứng yêu cầu, cần có những giải pháp khắc phục, đẩy mạnh nhằm thực hiện tốt hơn, hiệu quả hơn trong thời gian tới, đó là:

- Đề xuất sáng kiến về cải cách TTHC.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng quy trình giải quyết nội bộ, bảo đảm bảo nhanh, gọn, khoa học, thuận tiện, rút ngắn thời gian thực hiện TTHC cho cá nhân, tổ chức.

- Phối hợp với Hội đồng tư vấn cải cách TTHC trong việc khảo sát, đánh giá việc thực hiện cải cách TTHC của Bộ.

- Nghiên cứu những mô hình mới, cách làm hay trong cải cách TTHC để xem xét, nhân rộng trong phạm vi Bộ; phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc nghiên cứu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ những mô hình mới, cách làm hay.

Trên đây là tình hình, kết quả triển khai 01 năm thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC, để tổng hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*Phạm Minh Huân*  
**Phạm Minh Huân**